TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/DS-ST
Ngày: 14-10-2019
V/v tranh chấp "Giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự đối với Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Khởi

2. Bà Lưu Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Dương Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp: "Giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự đối với Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1980.
Địa chỉ: số 133, ấp P, xã T, huyện P, tỉnh H.

2. Bị đơn:

Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1979.

Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: số 1/1, ấp 19/5, xã K, huyện K, tỉnh S.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Đặng Thị H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp 19/5, xã K, huyện K, tỉnh S.

(Chị Đ và chị H có mặt; chị D và anh Tuấn A cùng có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2019, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Chị Đ có tham gia chơi hụi do vợ chồng anh Trần Tuấn A và chị Nguyễn Thị D làm đầu thảo. Cụ thể dây hụi sau:

Dây hụi tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm 50 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, chị Đ tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi viên tên là "cô Đ". Chị đã đóng hụi sống được 20 kỳ (lần), nếu tính tiền vốn góp hụi và lãi thì được số tiền 40.000.000 đồng.

Nay chị yêu cầu vợ chồng chị D và anh Tuấn A phải trả tiền của 01 phần hụi sống, hụi 2.000.000 đồng, đã đóng được 20 kỳ của dây hụi mở ngày 20/10/2016 âm lịch là: 40.000.000 đồng. (phần hụi ghi tên cô Đ").

Các bị đơn là chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tuấn A cùng vắng mặt.

Theo bản tự khai ngày 16/9/2019 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tuấn A cùng trình bày:

Chị D và anh Trần Tuấn A là vợ chồng. Chị Nguyễn Thị Đ không có tham gia chơi hụi, phần hụi mà chị Đ khai là do chị H tham gia và góp tiền, tuy nhiên, trong danh sách hụi viên ghi tên là "cô Đ". Cụ thể dây hụi sau:

Dây hụi tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm 50 phần, hụi 2.000.000 đồng, chị H tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi viên tên là "cô Đ". Chị H đã đóng hụi sống được 20 kỳ (lần), nếu tính tiền vốn góp hụi thì được số tiền 20.435.000 đồng. Hiện dây hụi này đã ngưng góp hụi.

Nay vợ chồng chị có ý kiến như sau:

Chị D và anh Tuấn A không đồng ý trả tiền hụi theo yêu cầu của chị Đ vì phần hụi này, chị và anh Tuấn A đã có ý kiến trong vụ án chị Đặng Thị H kiện mà Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đang giải quyết.

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị H trình bày:

Chị xác định, phần hụi mà chị D khai là chị tham gia dùm chị Nguyễn Thị Đ là đúng. Tuy nhiên, nguồn tiền góp hụi là do chị Nguyễn Thị Đ gửi đóng, vì vậy phần hụi này là tài sản của chị Đ và chị không có ý kiến hay tranh chấp gì.

Chị có khởi kiện đòi vợ chồng chị D và anh Tuấn A tại Tòa án nhân dân huyện Kế Sách để đòi tiền nợ hụi nhưng không có liên quan gì về phần hụi này. Chị H chỉ yêu cầu đối với các phần hụi mà chị đã tham gia với tên là "Thiếm Thật".

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ là có căn cứ. Bởi lẽ, giữa chị Nguyễn Thị Đ cùng vợ chồng chị Nguyễn Thị D, anh Trần Tuấn A có thỏa thuận góp hụi, đồng thời, chị D và anh Tuấn A cũng thừa nhận phần hụi ghi tên "Cô Đ" đã đóng được 20 kỳ hụi sống. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ.

Riêng ý kiến của chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tuấn A cho rằng đây là phần hụi của chị Đặng Thị H là không có căn cứ. Bởi lẽ, chị H xác định đây là tiền hụi của chị Đ, trong danh sách hụi vên cũng ghi tên "Cô Đ".

Về án phí, chi phí tố tụng: đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về đánh giá chứng cứ: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn thừa nhận có tổ chức góp hụi tại dây hụi mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm 50 phần, hụi 2.000.000 đồng và phần hụi ghi tên "Cô Đ" đã góp được 20 kỳ hụi sống. Xét thấy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Đối với ý kiến của các bị đơn cho rằng, phần hụi ghi tên "Cô Đ" là hụi của chị Đặng Thị H. Tuy nhiên, chị H lại có ý kiến không thừa nhận và khẳng định đây là hụi do nguyên đơn tham gia. Xét thấy, lời trình bày này của các bị đơn là không có cơ sở đáng tin. Bởi lẽ, trong danh sách hụi viên mà các bị đơn giao cho những thành viên góp hụi cũng thể hiện tên người tham gia là "Cô Đ". Như vậy, việc nguyên đơn có tham gia góp hụi do các bị đơn làm đầu thảo tại dây hụi mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm 50 phần, hụi 2.000.000 đồng và đã góp được 20 kỳ hụi sống là sự thật.

[2] Về yêu cầu của các nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán số tiền hụi còn nợ như sau: Dây hụi mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm 50 phần, hụi 2.000.000 đồng và đã góp được 20 kỳ hụi sống với số tiền là 40.000.000 đồng.

Xét thấy, giữa nguyên đơn và các bị đơn đã có giao dịch về tài sản dưới hình thức góp hụi với mục đích tương trợ, có hưởng huê hồng, tiền lãi được thực hiện theo quy định của pháp luật là có thật. Mặc dù hiện nay dây hụi mà nguyên đơn tham gia do các bị đơn làm đầu thảo đã ngưng góp hụi sống, nhưng các bị đơn vẫn tiếp tục góp hụi chết của các thành viên khác và cũng đã thực hiện việc khấu trừ cả tiền hụi chết đối với những phần hụi mà hụi viên khác còn nợ. Vì vậy, việc các bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ tiền hụi tương ứng số kỳ hụi đã đóng là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn đòi các bị đơn phải thanh toán số tiền hụi còn nợ là 40.000.000đ là chính đáng và có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với ý kiến của các bị đơn không đồng ý thanh toán số tiền hụi còn nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do nguyên đơn không có tham gia góp hụi mà đây là hụi của chị Đặng Thị H. Xét thấy, như đã nhận định trên, việc nguyên đơn có tham gia góp hụi cho các bị đơn là có thật. Mặt khác, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thừa nhận lời khai của các bị đơn, đồng thời, các bị đơn cũng không cung cấp chứng cứ nào khác để chứng minh lời khai của mình là có căn cứ. Cho nên, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận ý kiến này của các bị đơn.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính thêm tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện trả tiền hụi. Xét thấy, việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi phát sinh là có lợi cho các bị đơn, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử không có căn cứ đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí DSST:

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhân.

Các bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1, Điều 227, khoản 1, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ: Về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ khoản 1, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ: Về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Đ. Buộc chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tuấn A cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Thị Đ **40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng)** tiền nợ hụi.

[2] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng)** theo biên lai thu số 0008639 ngày 21/6/2019 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)** theo biên lai thu số 0000856 ngày 13/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tuấn A phải cùng chịu **2.000.000 đồng (hai triệu đồng)** tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, chị Nguyễn Thị Đ và chị Đặng Thị H có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án. Anh Trần Tuấn A và chị Nguyễn Thị D không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án do có đơn xin xét xử vắng mặt.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hải Duy